

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÀ NẴNG

Số: 52 /CV-DPC/TK/2025

"V/v: CBTT lựa chọn đơn vị kiểm toán
BCTC năm 2025"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÀ NẴNG
2. Mã chứng khoán: DPC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô Q, đường số 4 và đường số 7, KCN Liên Chiểu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
4. Điện thoại: (0236) 3714642/ 0913.441515
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Kiều Oanh

Loại công bố thông tin: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

6. Nội dung của thông tin công bố:

Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng ký hợp đồng kiểm toán với Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC tại Đà Nẵng

7. Địa chỉ đăng tải các văn bản tại website: <https://danaplast.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu:

Người được UQCBTT

Nguyễn Thị Kiều Oanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Số: ~~072504~~ MOORE AISDN-DN

TP Đà Nẵng, ngày 27 tháng 7 năm 2025

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

(V/v: Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
của Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng)

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Nghị định số 90/2025/NĐ-CP ngày 14/04/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐÀ NẴNG (Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Người đại diện : Ông HỒNG LÊ VIỆT
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Lô Q, đường số 4 và đường số 7, KCN Liên Chiểu, phường Hải Vân , TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại : (0236) 3 714 286 Fax: (0236) 3 714 561
Mã số thuế : 0400383300
Tài khoản số : 102010000192284
Tại Ngân hàng : TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP Đà Nẵng

BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC TÀI ĐÀ NẴNG (Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Người đại diện : Bà NGUYỄN THỊ HIỆP
Chức vụ : Phó Giám đốc
(Theo Giấy Ủy quyền số 44224/MOORE.AISC-GUQ ngày 22/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH kiểm toán & DVTH Moore AISC)
Địa chỉ : Số 350 Hải Phòng – Phường Thanh Khê - thành phố Đà Nẵng - Việt Nam
Email : danang@aisc.com.vn; Tel: (0236) 3747619; (0236) 3 747 620
Mã số thuế : 0300513041-001
Tài khoản số : 5600053811
Tại Ngân hàng : TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân.

Sau khi bàn bạc và thương lượng, hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng gồm các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Bên B sẽ kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của bên A:

Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và những người chịu trách nhiệm về quản trị doanh nghiệp (trong phạm vi phù hợp) của Bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị (trong phạm vi phù hợp) xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo các sổ kế toán và chứng từ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng;
- (d) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Việc Ban Giám đốc không thể cung cấp cho Bên B các thông tin được đề cập như trên hoặc quyền trao đổi với nhân viên trong Công ty của Bên A có thể gây chậm hoàn thành công việc và phát hành báo cáo của Bên B, và/hoặc thay đổi phạm vi các thủ tục kiểm toán, hoặc thậm chí dẫn tới việc Bên B chấm dứt cung cấp dịch vụ.

Ban Giám đốc và Ban quản trị (những người chịu trách nhiệm về quản trị doanh nghiệp) của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai

sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Có ý kiến phản hồi về bản dự thảo Báo cáo kiểm toán trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ khi Bên B gửi bản dự thảo cho Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A sáu (06) bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, Bên A giữ bốn (04) bộ tiếng Việt, Bên B giữ hai (02) bộ tiếng Việt; ba (03) bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

Việc nộp các báo cáo này cho các cơ quan chức năng thuộc trách nhiệm của Bên A.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **35.000.000 đồng** (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn)

Phí dịch vụ đã bao gồm toàn bộ các chi phí ăn, ở, đi lại và phụ phí khác, chưa bao gồm thuế GTGT.

Điều khoản thanh toán

Lần 1: Thanh toán 50% Ngay sau khi hợp đồng được ký kết giữa hai bên;

Lần 2: Thanh toán 50% còn lại sau khi Bên B bàn giao Báo cáo kiểm toán cho Bên A.

Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán dự kiến là 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (hoặc ngày bắt đầu thực hiện cuộc kiểm toán) với điều kiện bên A thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình đã nêu tại Điều 2 ở trên, trong đó bao gồm Bên A đã cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Bên B và thống nhất hướng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản và các bản này có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai Bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành nghĩa vụ của mỗi bên.

Đại diện bên A

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
ĐÀ NẴNG**



Giám đốc

HÔNG LÊ VIỆT

Đại diện bên B

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC
TẠI ĐÀ NẴNG**



Phó Giám đốc

NGUYỄN THỊ HIỆP

